

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày 09/4/2025

V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/TLST-DS ngày 22/10/2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 19/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 19/3/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số B, ngõ A, đường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Triệu Minh H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* Bị đơn: Anh Vũ Mạnh H1, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Nhà số A, đường L, phường L (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Triệu Hạnh H2 - Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh B (Có đơn đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn trình bày:

Năm 2023, chị D và vợ chồng anh Vũ Mạnh H1, Nguyễn Thị Ngọc A có ký kết Hợp đồng để thuê lại mặt bằng tại lô đất số 158(N4); 161 (N4); 162 (N) tại dãy B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Lô số 159-N4; 160- N4 tại địa chỉ Khu dân cư S, phường T, thành phố B. Vợ chồng anh H1 nói “địa điểm thuê” trên là của ông Lê Văn T cho anh Nguyễn Duy H3 thuê đến hết năm 2029, anh H3 cho anh H1 thuê lại, nay anh H3 cùng đồng ý và cùng ký kết Hợp đồng cho chị D thuê lại “địa điểm thuê” đó đến năm 2029.

Ngày 20/09/2023 chị D cùng với anh Vũ Mạnh H1 ký Hợp đồng chuyển giao cho chị D được toàn quyền thuê và sử dụng độc lập “địa điểm thuê” đến năm 2029. Cùng ngày, chị D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị Ngọc A tại Ngân hàng TMCP Q số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó do anh H1 và chị Ngọc A không đảm bảo cho chị D được thuê đến năm 2029 nên ngay ngày hôm sau 21/9/2023, các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng giữa chị D với anh H1 ký ngày 20/9/2023 và trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, vợ chồng anh H1 chỉ chuyển trả chị D 100.000.000 đồng vào ngày 21/9/2023. Số tiền 150.000.000 đồng còn lại vợ chồng anh H1 hứa trả nốt cho chị D nhưng không thực hiện. Chị D đã gọi điện, nhắn tin đòi bằng nhiều cách không có kết quả và đã làm đơn tố cáo, tại Quyết định số 06/QĐ-ĐTTH ngày 09/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T1 đã xác định: “Chị D...yêu cầu trả lại số tiền 250.000.000 đồng. Chị Ngọc A đồng ý và đã chuyển trả 100.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng hẹn trả sau...sự việc giữa chị D với vợ chồng anh H1, chị Ngọc A...là tranh chấp trong giao dịch dân sự.”. Cơ quan CSĐT không khởi tố và hướng dẫn chị D khởi kiện tại Tòa án.

Do đó, chị D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang: buộc vợ chồng anh H1, chị Ngọc A phải trả cho chị D số tiền là: 150.000.000 đồng.

Về anh Nguyễn Duy H3, do hợp đồng chuyển giao đã chấm dứt, anh H3 không liên quan đến thỏa thuận dân sự về việc trả lại tiền cho chị D của vợ chồng anh H1 nên chị D đề nghị Tòa án không tiếp tục đưa anh H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ngoài ra, chị D không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Mạnh H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc A được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa:*

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. đề nghị buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng.

+ Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Vũ Mạnh H1, và chị Nguyễn Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị D 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân liên quan đến giao dịch về tài sản, nhưng không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án, nên quan hệ tranh chấp xác định là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”; bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn và tài liệu hồ sơ do nguyên đơn nộp thể hiện tháng 9/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao dịch thuê mặt bằng kinh doanh thời hạn từ 7- 10 năm, tuy nhiên mặt bằng kinh doanh này là của anh Nguyễn Hữu H4 thuê của ông Lê Văn T và cho bị đơn là ông Vũ Mạnh H1 thuê lại, nhưng cả anh H4, anh H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc A là vợ của anh H1 đều khẳng định với chị D là thời hạn thuê của ông T đến năm 2029 nên chị D tin và chị D cùng anh H1 và anh H4 đồng thời ký 02 hợp đồng cho chị D toàn quyền sử dụng địa điểm thuê đến năm 2029, đồng thời ngày 20/9/2023 Chị D đã chuyển tiền 112.000.000 đồng vào tài khoản của anh H4 và 250.000.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ngọc A. Sau đó chị D yêu cầu có giấy tờ thuê nhà của ông T, thì anh H4 mới nói thời hạn thuê với ông T chỉ còn đến tháng 5/2024, nên ngày 21/9/2023 anh H4 ký hủy bỏ Hợp đồng và chuyển trả lại chị D 112.000.000 đồng. Vợ chồng anh H1, chị Ngọc A đồng ý hủy Hợp đồng và đã thanh toán trả 100.000.000 đồng cho chị D, còn nợ 150.000.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị đơn hiện còn giữ của nguyên đơn 150.000.000 đồng như nêu trên nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự năm 2015;

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án, nên lãi suất chậm thi hành án được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn đã nộp, là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 579, Điều 580 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Vũ Mạnh H1, và chị Nguyễn Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị D 150.000.000 đồng (Một

trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Buộc anh Vũ Mạnh H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả chị Nguyễn Thị D 3.750.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002085 ngày 22/10/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

